

CHƯƠNG I: VECTO

§1 CÁC ĐỊNH NGHĨA

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Định nghĩa vector:

Vector là đoạn thẳng có hướng, nghĩa là trong hai điểm mút của đoạn thẳng đã chỉ rõ điểm nào là điểm đầu, điểm nào là điểm cuối.

Vector có điểm đầu là A, điểm cuối là B ta

kí hiệu: \overrightarrow{AB}

Vector còn được kí hiệu là: $\vec{a}, \vec{b}, \vec{x}, \vec{y}, \dots$

Vector – không là vector có điểm đầu trùng điểm cuối. Kí hiệu là $\vec{0}$

2. Hai vector cùng phương, cùng hướng.

- Đường thẳng đi qua điểm đầu và điểm cuối của vector gọi là giá của vector
- Hai vector có giá song song hoặc trùng nhau gọi là hai vector cùng phương
- Hai vector cùng phương thì hoặc cùng hướng hoặc ngược hướng.



Ví dụ: Ở hình vẽ trên trên (hình 2) thì hai vector \overrightarrow{AB} và \overrightarrow{CD} cùng hướng còn \overrightarrow{EF} và \overrightarrow{HG} ngược hướng.

Đặc biệt: vector – không cùng hướng với mọi véc tơ.

3. Hai vector bằng nhau

- Độ dài đoạn thẳng AB gọi là độ dài véc tơ \overrightarrow{AB} , kí hiệu $|\overrightarrow{AB}|$.

Vậy $|\overrightarrow{AB}| = AB$.

- Hai vector bằng nhau nếu chúng cùng hướng và cùng độ dài.

Ví dụ: (hình 1.3) Cho hình bình hành ABCD khi đó $\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{CD}$

